UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:4463 /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày 11 *tháng* 11 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ xác nhận của Giám đốc Sở Y tế hải Phòng về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Y tế Hải Phòng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2353/QĐ-SYT ngày 13 tháng 9 năm 2025.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO của Sở, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở và cán bộ công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Minh Quang

Phụ lục
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ Y TẾ ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Kèm theo Quyết định số 4463 /QĐ- SYT ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MHHT
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03
5	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04
6	Hướng dẫn xem xét lãnh đạo	HD.05
7	Chính sách chất lượng	CSCL
8	Mục tiêu chất lượng	MTCL
9	Quy trình giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	QT-TC-01
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		**Mã hiệu**
I.	**LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (23 thủ tục)**	
1.	Đăng ký hành nghề	QT-HN-01
2.	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	QT-HN-02
3.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	QT-NY-15
4.	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	QT-NY-16
5.	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	QT-NY-17
6.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	QT-NY-18
7.	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	QT-NY-19
8.	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	QT-NY-20
9.	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	QT-NY-21

10.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	QT-NY-22
11.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	QT-NY-23
12.	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	QT-NY-24
13.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	QT-NY-25
14.	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	QT-NY-26
15.	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	QT-NY-27
16.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	QT-NY-31
17.	Cấp phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	QT-NY-32
18.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	QT-NY-33
19.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	QT-NY-34
20.	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	QT-NY-35
21.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	QT-NY-36

22.	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	QT-NY-37
23.	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	QT-TC-04
II.	**LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN (11 thủ tục)**	
24.	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	QT-NY-02
25.	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	QT-NY-01
26.	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	QT-NY-05
27.	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	QT-NY-03
28.	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	QT-NY-04
29.	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	QT-ND-01
30.	Công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu	QT-ND-02
31.	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	QT-ND-29
32.	Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	QT-ND-30
33.	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	QT-ND-31
34.	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	QT-ND-32
III.	**LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH (31 thủ tục)**	
35.	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-33

36.	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-34
37.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-35
38.	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-36
39.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-37
40.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-38
41.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	QT-ND-39
42.	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-40
43.	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-41
44.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu	QT-ND-42
45.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	QT-ND-43
46.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	QT-ND-44
47.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm	QT-ND-45

	hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	
48.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	QT-ND-46
49.	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	QT-ND-47
50.	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành của chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	QT-ND-48
51.	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	QT-NY-06
52.	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	QT-NY-07
53.	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	QT-NY-08
54.	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	QT-NY-09
55.	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	QT-NY-10
56.	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	QT-NY-11
57.	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	QT-NY-12
58.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	QT-NY-13
59.	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	QT-NY-14

60.	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	QT-NY-28
61.	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	QT-NY-29
62.	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	QT-NY-38
63.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	QT-NY-39
64.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	QT-NY-40
65.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	QT-NY-41
IV.	**LĨNH VỰC MỸ PHẨM (06 thủ tục)**	
66.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	QT-ND-17
67.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	QT-ND-18
68.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	QT-ND-19
69.	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	QT-ND-20
70.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	QT-ND-25
71.	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	QT-ND-26
V.	**LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM (14 thủ tục)**	
72.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	QT-ND-03
73.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	QT-ND-04

74.	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	QT-ND-05
75.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	QT-ND-06
76.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	QT-ND-07
77.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	QT-ND-08
78.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	QT-ND-09
79.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	QT-ND-10
80.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	QT-ND-11
81.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	QT-ND-12
82.	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	QT-ND-13
83.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-ND-14

84.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	QT-ND-15
85.	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá đình kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc	QT-ND-16
VI.	**LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (03 thủ tục)**	
86.	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	QT-TC-08
87.	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	QT-TC-05
88.	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	QT-TC-06
VII.	**LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH (02 thủ tục)**	
89.	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	QT-TC-09
90.	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	QT-TC-02
VIII.	**LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO (02 thủ tục)**	
91.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	QT-TC-07
92.	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	QT-TC-03
IX.	**LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (04 thủ tục)**	
93.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	QT-PB-01
94.	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT-PB-04
95.	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	QT-PB-05
96.	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	QT-PB-06

X.	**LĨNH VỰC PHÒNG. CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (05 thủ tục)**	
97.	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	QT-PB-07
98.	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	QT-PB-08
99.	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-PB-12
100.	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-PB-11
101.	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-PB-10
102.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-PB-09
XI.	**LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ (06 thủ tục)**	
103.	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	QT-ND-51
104.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	QT-ND-52
105.	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	QT-ND-53
106.	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	QT-ND-54
107.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối vói thiết bị y tế loại A, B	QT-ND-55
108.	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	QT-ND-56